TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/DS-ST
Ngày: 15-6-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Thành Tam

Bà Nguyễn Thị Sương

Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu- Thư ký Toà án nhân dân Khu Vực 2 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 2, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 2 - Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST- DS, ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 489/2026/QĐST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Uyển Ngọc L, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú hiện tại: Số H đường B KDC H, phường H, TP .. – có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1977; Địa chỉ liên lạc: 637, tổ I, KV1, phường H, Tp .. – có mặt

- *Bị đơn:* 1. Ông Bùi Thanh T1; Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (hiện nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). – Vắng mặt không lý do

2. Bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1980; Địa chỉ thường trú: Khóm A, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (nay là khóm A, xã C, tỉnh Vĩnh Long). – Vắng mặt không lý do

- *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, khu dân cư Đ, phường H, TP .. – Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Hồ Uyển Ngọc L có ông Ngô Quang T là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Vào ngày 20/4/2025, bà L và ông T1 có gặp nhau để tổng hợp lại các lần vay mượn tiền và tổng cộng số tiền vốn gốc bà L cho ông Bùi Thanh T1 vay mượn là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), lãi phát sinh đến ngày 20/4/2025 là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng), có lập thành văn bản do ông T1 là người viết và ký tên ở gốc người mượn tiền cùng ngày 20/4/2025 và bà L ký tên ở gốc bên cho mượn tiền. Ông T1 và bà L là chỗ quen biết và mối quan hệ bạn bè làm ăn chung trong công việc mua bán bất động sản được một thời gian, khi cần vốn mua bán đất hay xoay vòng thì ông T1 cũng có nhiều lần hỏi vay mượn tiền của bà L. Như là vào ngày 08/11/2021 ông T1 vay của bà L 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) có lập hợp đồng vay tiền và có công chứng tại phòng C1, thời hạn vay 12 tháng, đã trả xong. Sau đó vào ngày 31/10/2022 ông T1 mượn tiền của bà L 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) có lập hợp đồng mượn tiền và có công chứng tại phòng C2, thời hạn vay 02 tháng, đã trả xong. Sau đó, đến ngày 01/02/2023 ông T1 vay của bà L 2.150.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) có lập hợp đồng mượn tiền và có công chứng tại phòng C2, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 1%/tháng, khoản này chưa thanh toán gốc nhưng có trả được vài lần tiền lãi suất do thời gian cũng lâu nên không nhớ rõ số tiền; Vào ngày 30/8/2023 ông T1 mượn số tiền 1.712.000.000 đồng, có lập biên nhận có vợ ông T1 cùng ký nhận, khoản này chưa thanh toán gốc nhưng có trả được vài lần tiền lãi suất do thời gian cũng lâu nên không nhớ rõ số tiền; Ngày 21/9/2023 ông T1 hỏi mượn số tiền 1.500.000.000 đồng, khoản này chưa thanh toán gốc nhưng có trả được vài lần tiền lãi suất do thời gian cũng lâu nên không nhớ rõ số tiền. Những lần vay mượn tiền này lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 1%/tháng, do bạn bè quen biết, làm ăn chung với nhau biết được gia cảnh kinh tế của ông T1 nên bà L và những người bạn khác rất tin tưởng. Nghỉ là bạn bè giúp nhau qua lúc khó khăn do ông T2 có nhiều đất và có vay vốn ở Ngân hàng nên bà L mới cho mượn để đáo hạn hoặc cọc mua bán đất. Những lần trước ông T1 rất uy tín chỉ có những lần này do ảnh hưởng từ dịch bệnh làm ăn gặp khó nên ông T1 không trả cho bà L như hứa hẹn. Việc vay mượn tiền của ông T2 đều có vợ ông T1 là bà Trần Thị Hồng C biết, bà C có ký nhận tiền vào biên nhận ngày 30/8/2023. Đồng thời, bà L nhiều lần đến nhà ông T1 để yêu cầu vợ chồng ông T1 trả tiền thì đều có gặp mặt vợ ông T2 để trao đổi việc trả tiền với nhau. Vợ chồng ông T1 hứa hẹn với bà L nhiều lần nhưng không thực hiện cho đến ngày 20/4/2025 thi ông T1 đến Cần Thơ gặp bà L để tổng cộng lại

số tiền vay vốn gốc là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), lãi phát sinh đến ngày 20/4/2025 là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng), có lập thành văn bản do ông T1 là người viết và ký tên ở gốc người mượn tiền cùng ngày 20/4/2025 và có người làm chứng là ông Huỳnh Hoàng N chứng kiến sự việc.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Uyển Ngọc L yêu cầu ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C cùng có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày 20/4/2025 mà hai bên đã thống nhất là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C vắng mặt không lý do.

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết công khai đúng theo quy định pháp luật về thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về ngày xét xử vụ án nhưng phía bị đơn ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ chứng minh lý do vắng mặt của mình là chính đáng cho Tòa án biết.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có yêu cầu gì khác và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án, cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân Khu Vực 2-Vĩnh Long tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh lấy lời khai của đương sự nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, căn cứ vào Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án được Tòa án nhân dân Khu Vực 2-Vĩnh Long giải quyết theo thẩm quyền.

[1.2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Qua quá trình xem xét và giải quyết vụ án thì vụ việc tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[1.3] Xét việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C sau khi được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập và

thông báo ngày đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định nhưng ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C vẫn vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung.

[2] Xét về nội dụng vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Uyển Ngọc L yêu cầu ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C cùng có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày 20/4/2025 mà hai bên đã thống nhất là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C vắng mặt không lý do.

[2.1] Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Hồ Uyển Ngọc L yêu cầu ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C cùng có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày 20/4/2025 mà hai bên đã thống nhất là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng) là có cơ sở xem xét. Bởi lẻ, việc vay mượn giữa hai bên được ông Bùi Thanh T1 trực tiếp viết và ký nhận tiền và có lập văn bản xác nhận nợ vào ngày 20/4/2025.

[2.2] Tuy nhiên, để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các bên Tòa án đã nhiều lần mời ông T1 và bà C đến Tòa án tham gia phiên hợp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải để làm rõ vấn đề tranh chấp trong vụ án và cũng tạo điều kiện cho các bên thương lượng thỏa thuận với nhau nhưng phía bị đơn ông T1 và bà C luôn vắng mặt. Đến khi mở phiên tòa xét xử bị đơn ông T1 và bà C vẫn không đến và không có văn bản ý kiến nào gửi đến Tòa án để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Uyển Ngọc L. Qua đó, xét thấy phía bị đơn ông T1 và bà C đã tự mình từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ.

[2.3] Trong vụ việc này mặc dù phía bị đơn ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C vắng mặt nhưng bà L đã cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông T1 và bà C có vay tiền và hiện nay chưa trả là hợp đồng mượn tiền và các biên nhận vay mượn tiền và văn bản xác nhận nợ vào ngày 20/4/2025 đã được nêu ở phần nội dung vụ án. Căn cứ vào hợp đồng mượn tiền ngày 01/02/2023 và các biên nhận vay mượn tiền ngày 30/8/2023, ngày 21/9/2023 và văn bản xác nhận nợ vào ngày 20/4/2025 do ông Bùi Thanh T1 trực tiếp viết và ký nhận, thể hiện việc ông T1 có nhận vay tiền của bà Hồ Uyển Ngọc L. Biên nhận vay tiền là chứng cứ xác định giao dịch vay tài sản giữa các bên đã được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015**,** hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc

pháp luật có quy định. Ông Bùi Thanh T1 là người trực tiếp lập biên nhận vay tiền, xác nhận việc vay nhận tiền của bà L. Vì vậy, đối chiếu theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định, theo đó bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; trường hợp có thỏa thuận về lãi thì phải trả lãi theo thỏa thuận. Như vậy, đối với số tiền lãi 1.250.000.000 đồng mà bà L yêu cầu ông T1 và bà C phải trả cũng có cơ sở xem xét. Vì, ngoài việc xác nhận số tiền nợ gốc là 5.550.000.000 đồng thì ông T1 và bà L còn xác định số tiền lãi suất ông T1 còn phải trả cho bà L là 1.250.000.000 đồng. Xét thấy, đây là khoản tiền lãi do các bên đã thống nhất với nhau và được xác định trên cơ sở quan hệ vay mượn giữa các bên và được các bên tự nguyện đồng thuận thống nhất và không vi phạm điều cấm của Pháp luật nên có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của bà L đối với việc yêu cầu ông T1 trả tiền nợ vốn gốc và tiền lãi suất kèm theo.

[2.4] Xét việc bà Hồ Uyển Ngọc L yêu cầu bà Trần Thị Hồng C phải cùng có trách nhiệm liên đới với ông Bùi Thanh T1 trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày 20/4/2025 mà hai bên đã thống nhất là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng). Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014, nhận thấy việc vay tiền trên của ông T1 là nhằm mục đích trả tiền vay ngân hàng của hai vợ chồng ông T1 và bà C là trong thời kỳ hôn nhân và đồng thời mục đích việc vay mượn tiền này nhằm để thực hiện công việc mua bán bất động sản để xây dựng kinh tế gia đình nên việc vay mượn tiền này cũng là để trang trải, cải tạo chất lượng cuộc sống, xây dựng kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên việc bà C phải cùng có trách nhiệm liên đới với ông T1 trả số tiền nợ gốc là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày 20/4/2025 mà hai bên đã thống nhất là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng) cho bà L là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Từ những luận điểm trên, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Uyển Ngọc L. Buộc ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C cùng có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng), tổng cộng là 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

[2.6] Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoảng tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu tiền án phí như sau:

[-] Hoàn trả lại cho bà Hồ Uyển Ngọc L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 57.400.000 đồng theo biên lai thu số 0010549 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[-] Buộc ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C cùng phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 114.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Uyển Ngọc L.

Buộc ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C cùng có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 5.550.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mười triệu đồng), tổng cộng là 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

2/ Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoảng tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Hồ Uyển Ngọc L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 57.400.000 đồng theo biên lai thu số 0010549 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông Bùi Thanh T1 và bà Trần Thị Hồng C cùng phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 114.800.000 đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND KV2, tỉnh VL: 02
- THADS tỉnh VL: 01
- Phòng THADS KV2, tỉnh VL: 01
- Đương sự
- Lưu: 03

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Kim Liên